

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021

Căn cứ Công văn số 2499/LĐTBXH-VPQGGN ngày 02/8/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021, với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đến thời điểm cuối năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 là căn cứ để đo lường, giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở đánh giá kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021.

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình đến thời điểm cuối năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 là căn cứ để đo lường, giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác giai đoạn 2022-2025.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình phải được thực hiện từ thôn, buôn, tổ dân phố; đảm bảo chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, có ý kiến tham gia của người dân về kết quả rà soát. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng rà soát không đúng hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định không đúng hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình để được hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

- Kết thúc rà soát, từng thôn, buôn, tổ dân phố (sau đây gọi là cấp thôn), từng xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã), từng huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện) phải xác định chính xác và lập danh sách để theo dõi, quản lý: Hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo, hộ nghèo phát sinh, hộ cận nghèo phát sinh, hộ có mức sống trung bình.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình

- Tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020: Thực hiện theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

2. Đối tượng, phạm vi: Hộ gia đình trên địa bàn toàn tỉnh; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

3. Phương pháp

- Phương pháp thực hiện với chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020: Thực hiện rà soát thông qua các phương pháp đánh giá, chấm điểm tài sản, thu thập thông tin đặc điểm, điều kiện sống của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Điều 2 Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phương pháp thực hiện với chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025: Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

- Xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình là phương pháp xác định thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

4. Quy trình rà soát, xác định

- Quy trình rà soát, xác định với chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020: Thực hiện theo Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016, Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và hướng dẫn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Quy trình rà soát, xác định với chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025: Thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và hướng dẫn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

5. Kinh phí rà soát

5.1. Kinh phí cấp tỉnh: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2017/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra

thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các quy định hiện hành.

5.2. Kinh phí cấp huyện: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2017/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các quy định hiện hành, gồm:

a) In, phô tô bổ sung thêm tài liệu hướng dẫn, phiếu, biểu mẫu điều tra thống kê (theo nhu cầu thực tế).

b) Tập huấn cho cán bộ cấp huyện, cấp xã và rà soát viên trực tiếp tham gia rà soát.

c) Kiểm tra, giám sát, phúc tra điều tra thống kê.

d) Tiền công rà soát: Thực hiện khoán theo mức cụ thể như sau:

* Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 (các Phiếu, mẫu, Phụ lục theo Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

- Lập danh sách phân loại hộ theo Phụ lục số 2a, 2b: 500 đồng/hộ.

- Nhận dạng nhanh hộ gia đình theo Phiếu A: 3.000 đồng/hộ.

- Khảo sát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Phiếu B: 15.000 đồng/hộ.

- Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, theo Phụ lục số 2c, 2d: 500 đồng/hộ.

- Thu thập thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Phiếu C: 3.000 đồng/hộ.

* Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 (các Phiếu, mẫu, Phụ lục theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

- Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Phụ lục số 01: 1.000 đồng/hộ.

- Nhận dạng nhanh hộ gia đình theo Phụ lục số 02 (Phiếu A): 5.000 đồng/hộ.

- Rà soát thông tin hộ gia đình theo Phụ lục số 03 (Phiếu B): 35.000 đồng/hộ.

- Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, sau khi rà soát theo Phụ lục số 06: 1.000 đồng/hộ.

- Khảo sát, thăm định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo Phụ lục số 08: 10.000 đồng/hộ.

đ) Chi xử lý kết quả điều tra thống kê

- Nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra thống kê cấp xã: Thực hiện khoán theo mức cụ thể sau:

- * Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 (các Phiếu, mẫu, Phụ lục theo Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

- + Phụ lục 2a, 2b, 2c, 2d; Phiếu A: 2.000 đồng/phiếu, biểu.

- + Phiếu B; Phiếu C: 500 đồng/phiếu.

- * Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 (các Phiếu, mẫu, Phụ lục theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

- + Phụ lục số 01; Phụ lục số 06: 50 đồng/hộ.

- + Phụ lục số 02 (Phiếu A): 300 đồng/hộ.

- + Phụ lục số 03 (Phiếu B): 2.000 đồng/hộ.

- + Phụ lục số 08: 500 đồng/hộ.

- Chi nhập tin và xử lý dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- + Hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh mới theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 không thuộc diện nghèo, cận nghèo năm trước: 5.000 đồng/hộ.

- + Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025: 8.000 đồng/hộ.

e) Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- + Chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 của cấp huyện, cấp xã theo các biểu tổng hợp: 100.000 đồng/biểu; cấp thôn, buôn theo các biểu tổng hợp: 150.000 đồng/biểu.

- + Chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 của cấp huyện, cấp xã theo các biểu tổng hợp: 150.000 đồng/biểu; cấp thôn, buôn theo các biểu tổng hợp: 200.000 đồng/biểu.

g) Các khoản chi khác liên quan đến cuộc điều tra thống kê: Tuyên truyền, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc...

5.3. Nguồn kinh phí thực hiện

- Kinh phí cấp tỉnh (mục 5.1, phần II kế hoạch này): Giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh kinh phí triển khai thực hiện theo quy định.

- Kinh phí cấp huyện (mục 5.2, phần II kế hoạch này): Do ngân sách các huyện, thị xã, thành phố bảo đảm.

Các khoản kinh phí phát sinh ngoài kế hoạch này, có liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 thì UBND các huyện, thị xã, thành phố xem xét, bố trí thực hiện theo đúng quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai rà soát; báo cáo kết quả sơ bộ trước ngày **10/11/2021** và báo cáo chính thức trước ngày **10/12/2021**, gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp.

- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả trước ngày **15/12/2021**.

2. Phân công trách nhiệm

a) Các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tại cấp huyện, cấp xã theo địa bàn phân công tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh giai đoạn 2022-2025, để các địa phương thực hiện rà soát đảm bảo tiến độ và chất lượng theo yêu cầu đề ra.

- Kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh; thường xuyên báo cáo tình hình về kết quả rà soát và những vấn đề phát sinh, những khó khăn, vướng mắc cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội).

b) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

- Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Tổ chức tuyên truyền cho các ngành, các cấp và người dân biết và hiểu về ý nghĩa, mục đích, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cho cán bộ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện và cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã; thống nhất mẫu biểu trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định.

- Tổ chức kiểm tra, phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, đặc biệt là các địa bàn có kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.

- Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo chung toàn tỉnh; báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện (viết tắt là Ban Chỉ đạo rà soát cấp huyện) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Trưởng ban; Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm Phó Trưởng ban; Lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn cấp huyện làm thành viên, gồm: Tài chính Kế hoạch, Kinh tế (Kinh tế Hạ tầng), Y tế, Giáo dục, Văn hóa Thông tin, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thống kê, phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, xây dựng, ban hành kế hoạch và bố trí kinh phí để tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Tổ chức tuyên truyền cho các ngành, các cấp và người dân biết và hiểu về ý nghĩa, mục đích, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Tổ chức tập huấn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn cho rà soát viên cấp thôn, Ban Chỉ đạo rà soát cấp huyện, cấp xã.

- Chỉ đạo triển khai kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định.

- Tổ chức kiểm tra, phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp xã, đặc biệt là các địa bàn có kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.

- Có ý kiến về báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm của Ủy ban nhân dân cấp xã; tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vào phần mềm quản lý.

- Trên cơ sở tài liệu hướng dẫn và mẫu biểu rà soát của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã cấp phát, nếu còn thiếu thì in, phô tô bổ sung thêm để cấp phát kịp thời cho giám sát viên, điều tra viên thực hiện rà soát.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021 trên địa bàn tỉnh, các đơn vị triển khai thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất những vướng mắc, phát sinh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - TBXH (b/cáo);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TV BCĐ rà soát hộ nghèo tỉnh;
- Các Sở: LĐ-TB&XH; TC;
- UBND các huyện, TX, TP;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: TH, KT; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Ng-15b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

H'Yim Kdoh